

MỘT VÀI KINH NGHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT XÂY DỰNG

NGUYỄN TIẾN DÍCH

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai thông qua các hợp đồng kinh tế nhằm tạo ra kinh phí duy trì hoạt động, cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên trong Viện, và quay trở lại hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu. Làm tốt công tác này cần phải có chính sách dài ngắn như thế nào? việc phân phối lợi nhuận ra sao? cần phải có quy chế cụ thể trong việc thực hiện hợp đồng, xây dựng được lòng tin đối với khách hàng... Đó là những kinh nghiệm trong thực tiễn hoạt động của Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng mà tác giả muốn trao đổi rút kinh nghiệm cùng bạn đọc.

Chúng ta hãy bắt đầu bài báo này bằng bảng số liệu sau đây:

Bảng 1. Chỉ số hoạt động kinh tế của Viện qua các thời kỳ.

Thời kỳ	Kinh phí Nhà nước cấp (a)	Kinh phí Viện nộp cho Nhà nước (b)	Tổng kinh phí hoạt động của Viện (c)	Tỷ lệ (a - b)/c
Năm 1988	1	0,67	4,74	0,069
6 tháng đầu 1989	1	0,30	4,54	0,154

Bảng 1 cho thấy trong năm 1988 Nhà nước đã chi cho Viện KHKT XD một khoản kinh phí bằng 6,9% tổng kinh phí hoạt động của Viện, 6 tháng đầu năm 1989 có khá hơn: 15,4%. Trong hoàn cảnh đó chúng tôi đã đặt ra nhiệm vụ tăng cường hoạt động triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thông qua các hợp đồng kinh tế để tạo ra kinh phí duy trì hoạt động của Viện.

Theo chúng tôi, trong một cơ quan nghiên cứu khoa học luôn luôn cần tồn tại 3 nhiệm vụ nghiên cứu: nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai. Nghiên cứu cơ bản trong mọi điều kiện đều là cần thiết, nhưng đứng trên lợi ích kinh tế thì nó thường ít được thích thú, vì đây là những nghiên cứu mà trước mắt không có lãi.

Trong hoàn cảnh kinh tế xã hội nước ta hiện nay, nghiên cứu ứng dụng và triển khai đang là những loại hình mang lại hiệu quả nhanh nhất và đang được các nhà khoa học và các nhà quản lý quan tâm. Ở Viện KHKT XD lĩnh vực này đang được đẩy mạnh. Chúng tôi xin nêu một số kinh nghiệm bước đầu để trao đổi.

1. Tính đa dạng.

Tính đa dạng của các hợp đồng triển khai của Viện thể hiện ở chỗ bao gồm nhiều thể loại. Chúng tôi phân ra thành 4 nhóm như sau:

— Nhóm I: các hợp đồng nghiên cứu khoa học và hợp đồng thuê chuyên gia.

- Nhóm II: các hợp đồng về thiết kế.
- Nhóm III: các hợp đồng phân tích, kiểm nghiệm, thí nghiệm.
- Nhóm IV: Các hợp đồng ứng dụng, triển khai (bao gồm các hợp đồng tổng thầu, hợp đồng thi công và hợp đồng sản xuất).

Bảng 2 — Phân loại các nhóm hợp đồng trong 6 tháng đầu năm 1989.

Nhóm hợp đồng	Số lượng	Tỷ lệ % kinh phí
Nhóm I	2	1,0
II	8	16,2
III	101	17,3
IV	21	65,5
Cộng	132	100

Có thể thấy gì qua các số liệu ở bảng 2? Tỷ trọng kinh phí hợp đồng tập trung vào nhóm II và IV, chứng tỏ nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai đang giữ vai trò chủ đạo hiện nay.

Các hợp đồng thuộc nhóm III chiếm số lượng cao nhất trong tổng số 132 hợp đồng, nhưng tỷ trọng kinh phí thấp, chứng tỏ hoạt động của các phòng thí nghiệm cơ sở chưa có uy tín cao. Các hợp đồng thuộc nhóm này là các hợp đồng kiểm nghiệm, phân tích, nó không đòi hỏi sáng tạo nhiều mà chỉ dựa trên các tiêu chuẩn và các hướng dẫn phương pháp thử đã có sẵn. Trong tương lai loại hợp đồng này cần được nhường chỗ cho các phòng thí nghiệm cơ sở để các Viện

nghiên cứu trung ương có thể đầu tư cho những nhiệm vụ lớn hơn.

Tỷ lệ quá thấp của các hợp đồng nhóm I, cả về số lượng và tỷ trọng kinh phí, cho thấy nhu cầu đầu tư nghiên cứu khoa học của các cơ sở còn quá thấp và quy mô hợp tác nghiên cứu khoa học của các viện nghiên cứu cũng còn rất hạn chế. Thực tế trong 6 tháng đầu năm 1989 không có một cơ sở hoặc một viện nghiên cứu nào ký hợp đồng với Viện để nghiên cứu một vấn đề gì. Viện chỉ ký 2 hợp đồng thuê chuyên gia giảng dạy do tổ chức Liên hợp quốc tiến hành ở Việt Nam. Đây chính là kết quả của cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay chưa thúc đẩy các cơ sở sản xuất, xây dựng nhìn nhận một cách đầy đủ lợi ích của khoa học và do đó chưa đầu tư đúng mức cho công tác nghiên cứu khoa học. Có tâm lý cho rằng khoa học là cái tiêu tốn nhiều tiền mà không biết nó có đem lại cái gì không.

2. Những vấn đề gay gắt:

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế của Viện trong vài năm gần đây luôn luôn xảy ra những vấn đề gay gắt cần được quan tâm giải quyết.

Một là: kinh phí các hợp đồng chiếm phần lớn trong tổng kinh phí hợp đồng của Viện. Thí dụ: năm 1988 con số này là 78%. 6 tháng đầu năm 1989 là 77% (bảng 2). Tình trạng này có mặt tích cực là nó đặt ra cho Viện nhiệm vụ phải tự vận động mạnh mẽ để tồn tại. Song nó cũng dẫn đến tình trạng các cán bộ khoa học tập trung trí tuệ vào việc « làm ăn » mà không quan tâm đầy đủ đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Đây là một vấn đề luôn luôn được đặt ra đối với mỗi cán bộ khoa học của Viện KHKT XD.

Bảng 3 — Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản từ các hợp đồng 6 tháng đầu năm 1989.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ số
1	Tỷ trọng kinh phí các hợp đồng trong tổng kinh phí hoạt động Viện	%	77
2	Giá trị sản lượng cao nhất của một hợp đồng.	triệu đồng	100
3	Tỷ trọng kinh phí các hợp đồng của đơn vị cao nhất trong tổng kinh phí hợp đồng của Viện. Đơn vị thấp nhất	%	38
		%	0,5

Hai là: Cho đến nay giá trị sản lượng cao nhất của một hợp đồng mới đạt 100 triệu đồng, chúng tôi quy mô các hợp đồng còn chưa lớn. Đối với các viện nghiên cứu khoa học thì đặc trưng cho lao động sáng tạo vẫn luôn luôn phải bằng các hợp đồng có giá trị kinh tế lớn. Đối với ngành xây dựng, có thể tới hàng tỷ đồng. Song điều này trên thực tế rất khó khăn.

Ba là: sự không đồng đều giữa các đơn vị trong Viện trong việc thực hiện các hợp đồng. Số liệu ở bảng 3 cho thấy trong khi tỷ trọng của đơn vị cao nhất là 38% thì đơn vị thấp nhất có 0,5%. Tình trạng này kéo theo sự xa cách về thu nhập tiền lương. Tồn tại sự chênh lệch này ở Viện đã gây không khí kém phấn khởi đối với đơn vị thấp hơn là không khí thi đua đề vươn lên. Điều đó cho thấy cần phải giúp các đơn vị ở mức thấp vươn lên để có không khí hoạt động chung trong Viện mạnh mẽ hơn.

3. Các chính sách khoa học:

Một khi công tác nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai đang được phát triển thì đòi hỏi phải có những chính sách khoa học thích hợp để thúc đẩy quá trình vươn lên đó. Có thể nêu ở đây mấy vấn đề đang được quan tâm ở Viện.

a) Chính sách đãi ngộ

Nguyên vọng lớn của các cán bộ khoa học là đưa được kết quả nghiên cứu của mình vào sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Song, cũng như các tầng lớp khác, một khi đã làm kinh tế họ cũng đòi hỏi phải được đãi ngộ một cách công bằng và xứng đáng. Để giải quyết vấn đề này ở Viện KHKI XD luôn luôn có một "quy chế" về việc thực hiện các hợp đồng triển khai. Bản quy chế quy định những nguyên tắc về ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng, phân phối kinh tế. Quy chế này được soạn thảo dựa trên các chính sách của Nhà nước và kinh nghiệm thực tế của Viện, sau đó được đem thảo luận dân chủ trong cán bộ công nhân viên của Viện trước khi ban hành. Hầu như cứ mỗi năm quy chế được soạn thảo lại một lần cho phù hợp với các chế độ chính sách và tình hình cụ thể. Những vấn đề về đãi ngộ trong quy chế được thể hiện ở những mặt sau đây:

— Không hạn chế mức thu nhập tối đa nếu đó là hợp lý và hợp pháp.

— Đãi ngộ nhiều hay ít là dựa theo hiệu quả của lao động sáng tạo, chứ không theo thời gian và công sức bỏ ra.

— Ai không làm thì không hưởng. Điều tiết công việc không điều tiết tiền lương.

— Đãi ngộ xứng đáng đối với chất xám mang lại hiệu quả.

— Đảm bảo cho các cán bộ, do làm nghiên cứu khoa học theo các đề tài mà không có điều kiện tham gia thực hiện các hợp đồng, có mức thu nhập trên mức trung bình trong tập thể đơn vị mình.

— Phân phối thu nhập cho tập thể hoặc cá nhân chỉ được giải quyết sau khi đã làm đầy đủ nghĩa vụ nộp Nhà nước và trích 3 quỹ cho Viện.

b) Lòng tin của khách hàng

Lòng tin của khách hàng là cái mang lại hiệu quả kinh tế to lớn. Để giữ được lòng tin đó, Viện chủ trương đảm bảo các mặt sau đây:

— Chất lượng kỹ thuật tốt: không thể chấp nhận một Viện KHKI lại làm ra sản phẩm hợp đồng kém chất lượng và trên thực tế việc này luôn luôn làm được.

— Đúng tiến độ quy định: hợp đồng càng lớn càng phức tạp về kỹ thuật càng phải chú trọng đảm bảo tiến độ đã cam kết.

— Sòng phẳng về kinh tế: không ép giá, thanh quyết toán kịp thời, không nợ nần, đảm bảo các hợp đồng thực hiện xong phải mang lại hiệu quả.

— Hạ giá thành hợp đồng: do tính trừu tượng của nhiều hợp đồng đòi hỏi đầu tư chất xám cao, việc hạ giá thành các hợp đồng kinh tế không thể chỉ căn cứ vào các giá trị tuyệt đối (tức là tổng kinh phí bao nhiêu tiền), mà phải dựa trên các giá trị tương đối (tức là tỷ số giữa giá trị kinh phí của hợp đồng và giá trị hiệu quả lâu dài mà hợp đồng mang lại).

Những chủ trương trên đã mang lại kết quả tốt, khách hàng đến với Viện luôn có lòng tin.

c) Những khuynh hướng đang đang được hoan nghênh.

Quá trình thực hiện các hợp đồng triển khai ở Viện KHKI XD đã nảy sinh những khuynh hướng tốt, có thể nêu lên để trao đổi rút kinh nghiệm:

— Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học: rõ ràng kinh phí hàng năm Nhà nước cấp cho công tác nghiên cứu khoa học rất hạn chế. Kinh phí này vốn không đủ cho việc thực hiện các đề tài, mà chưa kể đến hoạt động chung của Viện. Mặt khác số lượng các đề tài nghiên cứu từ phía các chương trình theo vốn Nhà nước có rất ít. Nhiều cán bộ nghiên cứu khoa học không có đề tài. Trong hoàn cảnh đó, Viện đã chủ trương đầu tư thêm cho công tác nghiên cứu theo 2 hướng: một là: trích một phần quỹ nghiên cứu của Viện thu từ các hợp đồng triển

khai đề cấp thêm cho các đề tài được cấp ít vốn. Hai là, xây dựng một số đề tài theo đơn đặt hàng của Viện và một số đề tài từ hợp đồng kinh tế. Tức là các đề tài được tổng kết từ kết quả thực hiện các hợp đồng kinh tế, nâng lên thành lý luận khoa học. Đề tài loại này có mấy ưu điểm là: không đòi hỏi Nhà nước cấp kinh phí; không cần tìm địa chỉ ứng dụng vì nó đang giải quyết một vấn đề cụ thể cho một địa chỉ cụ thể. Thực tế cho thấy không dễ dàng xây dựng được các đề tài nghiên cứu dạng này. Nó đòi hỏi các cán bộ khoa học phải có quyết tâm cao, kiên trì tổng kết, xử lý số liệu thống kê, làm thêm mô hình thí nghiệm v.v. . trong hoàn cảnh giá trị kinh phí hợp đồng có hạn và tiến độ không được kéo dài thêm. Một số đề tài ở dạng này mà Viện đã tổng kết cho thấy có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn tốt.

— Khuyến khích thực hiện các hợp đồng đầu tư chất xám để mang lại hiệu quả. Viện đã ký một số hợp đồng không có kinh phí, điều cam kết chỉ ghi: phần làm lợi do việc thực hiện hợp đồng sẽ được chia đôi, mỗi bên một nửa. Rõ ràng để thực hiện một hợp đồng như vậy bên A không mất gì cả mà còn được 1/2 phần làm lợi của hợp đồng. Các hợp đồng dạng này đòi hỏi người cán bộ khoa học phải dấn thân đầu tư với cái mới. Nó mang tính mạo hiểm nhưng cũng là đặc trưng cho hợp đồng của một Viện KHKT.

— Dẩy mạnh thông tin khoa học: nhiều hợp đồng sau khi thực hiện xong đã được các cán bộ khoa học tổng kết thành những chuyên

đề kỹ thuật, viết thành các bài báo công bố trên các tạp chí hay xây dựng thành các báo cáo khoa học cho các hội thảo. Một số hợp đồng trong quá trình thực hiện được xây dựng thành phim khoa học để phổ biến. Việc này đã giúp các cán bộ khoa học làm hợp đồng kinh tế mà vẫn có công trình công bố.

4. Kết luận:

Hoạt động triển khai đang là công việc có sức cuốn hút mạnh mẽ, không phải chỉ ở Viện KHKT Xây dựng, mà còn ở các viện nghiên cứu khác nói chung. Bởi vì động lực thúc đẩy của nó là quyền lợi về kinh tế. Bên cạnh đó khi đưa được kết quả nghiên cứu vào sản xuất, cán bộ khoa học có niềm vui to lớn là nhìn thấy thành quả lao động sáng tạo của mình mang lại cho xã hội.

Những kinh nghiệm nêu ở đây cũng mới chỉ là bước đầu, mang tính trao đổi. Tuy nhiên đối với Viện KHKT Xây dựng nó cũng đã có tác dụng giúp cho hoạt động khoa học của Viện được ổn định trong điều kiện kinh tế xã hội đang rất khó khăn. Đồng thời nó đã góp phần đáng kể cải thiện đời sống vật chất của cán bộ khoa học.

Thông qua các hợp đồng kinh tế chúng ta còn thấy rõ một điều: các cán bộ khoa học, ngoài nhiệm vụ nghiên cứu của mình còn đang tiến hành có hiệu quả một sứ mệnh xã hội quan trọng là phổ biến khoa học.

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo

Tin về việc đánh giá trình độ kỹ thuật công nghệ trong đợt kiểm kê, đánh giá tài sản cố định vào cuối năm 1989.

Hội đồng bộ trưởng đã ra quyết định số 101-HĐBT ngày 1 tháng 8 năm 1989 về việc tiến hành kiểm kê và đánh giá lại vốn sản xuất - kinh doanh của các cơ sở sản xuất - kinh doanh. Một trong những yêu cầu quan trọng của đợt kiểm kê, đánh giá này là: Xác định được thực trạng về giá trị sử dụng còn lại và về chất lượng của tài sản cố định đề trên cơ sở đó mà có những chính sách cần thiết, đúng đắn nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất - kinh doanh theo cơ chế mới.

Theo sự chỉ đạo và phân công của Ban chỉ đạo kiểm kê trung ương; Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã ban hành "Phương pháp xác định giá trị sử dụng thực tế và trình độ kỹ thuật - công nghệ của tài sản cố định" kèm theo Quyết định số 483 KHKT ngày 23 tháng 9 năm 1989. Tài liệu này đã được Ban kiểm kê Trung

ương đã gửi cho các ngành, các cấp trong hệ thống tài liệu hướng dẫn và biểu báo chung của Nhà nước dùng trong đợt kiểm kê.

Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước cũng đã có công văn số 1337/KHKT ngày 1 tháng 10 năm 1989 gửi các bộ, tổng cục, UBND các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương về vấn đề này (có đồng gửi cho các Vụ KHKT và các ban KHKT).

Hội đồng bộ trưởng coi đợt kiểm kê này là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược. Về quản lý khoa học và kỹ thuật, đây cũng là nhiệm vụ đột xuất quan trọng, thiết thực góp phần thực hiện các yêu cầu mới đặt ra của quản lý sản xuất - kinh doanh ở từng đơn vị cơ sở và chung đối với toàn bộ nền kinh tế ở tầm vĩ mô của quản lý Nhà nước.

(Tin của Tờ thường trực về kiểm kê đánh giá TSCĐ của Ủy ban KHKTNN)